TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:*** Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Nguyễn Đức Duy

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim T,** sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

Bị đơn: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T và anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KS, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không quan tâm, chăm sóc vợ con, không biết hóa giải mâu thuẫn giữa vợ và mẹ ruột, bản thân chị T và mẹ chồng có mâu thuẫn không thể hòa giải. Từ sau khi sinh con chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/12/2020. Hiện cháu V đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh B không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh B và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/12/2020. Hiện cháu V đang sống cùng chị T. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh B, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là

đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/12/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu, tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1]** – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị T và anh B xác lập hôn nhân vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, anh B không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị T và anh B đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị T và anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B dù không đồng ý ly hôn nhưng anh B không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/12/2020. Xét thấy, cháu V hiện đang sống cùng chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Mặc khác, cháu V là con gái, hiện dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo nhu cầu phát triển về mọi mặt cho cháu Hội đồng xét xử cần giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/12/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021379 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã KS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh